TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khương

Bà Nguyễn Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà*:** Ông Lâm Sển, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2022/TLST - HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST - HN ngày 04/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST – HN ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị D**, sinh năm 1990.

* Bị đơn: Anh **Danh Th**, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã GT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(*Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị D trình bày và yêu cầu như sau*:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Th chung sống với nhau từ năm 2005. Trước khi chung sống vợ chồng có quen biết nhau khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến năm 2010

thì anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã GT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/8/2010.

Sau khi đám cưới thì anh chị về sống chung với gia đình chị được vài tháng rồi quay về ở chung với cha mẹ anh Th, thời gian sau cha mẹ anh Th cho 01 miếng đất để anh chị cất nhà ở riêng. Khi cất nhà xong ở được 01 thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th đi ghe biển được khoảng 03 tháng có trở về nhà nhưng có dẫn theo người phụ nữ khác, sau đó anh Th bỏ vợ con đi theo người phụ nữ đó cho đến nay. Từ khi bỏ đi theo nguòi phụ nữ đó thì anh Th không có quay trở về thăm con, hiện nay anh Th vẫn còn chung sống với người phụ nữ đó.

Chị D biết được việc anh Th hiện nay vẫn còn chung sống với người phụ nữ đó là do anh em của chị D đi làm gần chỗ anh Th làm nên biết và có chụp ảnh lại gửi cho chị D xem. Chị biết sự việc nhưng không đánh ghen là do khi biết được sự việc, chị có nói chuyện với anh Th nhưng anh Th không thay đổi và bênh vực người phụ nữ đó nên chị quyết định ly hôn với anh Th để 02 người được tự do và người phụ nữ đó không còn lý do để chửi mắng chị nữa.

Trước khi làm đơn ly hôn gửi Tòa án, chị D đã có thông báo với anh Th, anh Th có năn nỉ chị quay về nhưng chị không đồng ý vì chị đã cho anh Th rất nhiều cơ hội nhưng anh Th không bỏ được. Có lần anh Th đánh chị bể nón bảo hiểm với lý do là chị phát hiện người phụ nữ đó đang điện thoại Zalo cho anh Th, giữa chị và anh Th có cự cãi thì anh Th đánh chị.

Nay, chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Th không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th. Mặc dù anh Th không đồng ý thì chị vẫn cương quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Chị và anh Th có 02 con chung là cháu Thị Thúy H, sinh ngày 25/10/2006 và cháu Danh Bảo L, sinh ngày 04/9/2008. Hiện nay, 02 cháu đang sống cùng chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng có cất 01 căn nhà trên đất cha mẹ chồng cho nhưng khi ly hôn, chị không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình chung sống, chị và anh Th không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Th trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Anh Th xác nhận, anh và chị D chung sống với nhau từ năm 2005. Trước khi chung sống vợ chồng có quen biết nhau trước khoảng 3, 4 năm rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn đã được Uỷ ban nhân dân xã GT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/8/2010.

Nguyên nhân chị D xin ly hôn với anh là do trong thời gian vợ chồng chung sống, anh đi làm thuê trên ghe biển khoảng 3, 4 tháng mới vô bờ 01 lần, sau đó anh đi Sài Gòn làm không đi ghe nữa. Cũng trong thời gian này, anh có quen người phụ nữ khác thì bị chị D phát hiện, anh có giải thích nhưng chị D không nghe.... Anh xác định, từ khi cưới cho đến khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì giữa anh và chị D không có mâu thuẫn, không có cự cãi và cũng không có đánh nhau. Anh và chị D không còn chung sống với nhau gần 02 năm nay. Trong thời gian ly thân, do anh đã biết lỗi nên có quay về năn nỉ chị D rất nhiều lần để vợ chồng quay về chung sống nhưng chị D không đồng ý, còn đòi kêu Công an bắt anh.

Vì còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn hôn với chị D nhưng trường hợp chị D cương quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị D.

- *Về con chung*: Anh Th xác nhận, anh và chị D có 02 con chung là cháu Thị Thúy H, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Bảo L, sinh ngày 04/9/2008. Hiện nay, cháu H chung sống với chị D và cháu L chung sống với mẹ ruột chị D.

Nếu anh và chị D ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cháu Bảo L và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng, còn việc cấp dưỡng nuôi con thì anh sẽ gửi cho chị D theo khả năng của anh.

- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị D có 01 căn nhà cất trên đất của cha mẹ ruột anh, nhà này hiện nay khóa cửa nhờ cha mẹ anh coi dùm. Nay ly hôn anh không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình chung sống, anh và chị D không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa*:

- *Chị D và anh Th:* Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị D và giao 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và chị D chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Th là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp TH, xã GT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Th.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh Th chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã GT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/8/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh Th. HĐXX xét thấy, chị D cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng Th xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được do anh Th có quen người phụ nữ bên ngoài và vì lý do này mà anh Th bênh vực người phụ nữ đó, không sửa đổi tính tình mà đánh đập chị, nguyên nhân này cũng được anh Th xác nhận là có và trong quá trình giải quyết vụ án anh chị cũng xác nhận anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị D cương quyết ly hôn. Đồng thời, việc anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh Th cũng đồng ý ly hôn nếu như chị D cương quyết ly hôn với anh.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị D được ly hôn với anh Th.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị D và anh Th xác nhận, anh chị có 02 người con chung là Thị Thúy H (*sinh ngày 25/10/2006, giới tính nữ*) và cháu Danh Bảo L (*sinh ngày 04/9/2008, giới tính nam*). Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị D là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thúy H và cháu Bảo L nên việc để 02 cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & gia đình nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D, không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Bảo L của anh Th.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị D tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, chị D có quyền yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết, chị D và anh Th xác định, không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị D phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Thị D được ly hôn với anh Danh Th.

2. *Về con chung*: Giao 02 cháu Thị Thúy H (*sinh ngày 25/10/2006, giới tính nữ*) và cháu Danh Bảo L (*sinh ngày 04/9/2008, giới tính nam*) cho chị D trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Thị D chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009314 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị D không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị D và anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã GT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình